

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2021/DS-ST
Ngày: **10**-12-2021
V/v “Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân;

Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **12**/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **50**/2021/QĐXXST-DS ngày **22** tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Chị Võ Thị T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Anh Mai Tuấn V, sinh năm 1985 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Số 9, Hẻm 14, Quốc lộ 22B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2021 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào khoảng năm 2009, bà làm nghề kinh doanh mua bán quần áo tại Chợ Bình Phong, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2015 thì bà và chị Võ Thị T quen biết nhau, do thời điểm này chị T đến cửa hàng của bà để mua quần áo. Khoảng tháng 7/2015 thì chị T bắt đầu hỏi vay tiền của bà với hình thức vừa trả góp ngày và vừa đóng lãi tháng. Nhưng do thời gian quá lâu, bà

không nhớ đã thu tiền góp và tiền lãi của chị T với số tiền và mức lãi suất là bao nhiêu. Do thời điểm này chị T thực hiện đúng thỏa thuận nên bà tin tưởng.

Sau đó chị T hỏi vay thêm tiền của bà nhiều lần, mỗi lần từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng, tổng cộng 219.000.000 đồng. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không viết giấy vay tiền. Tại các lần vay tiền, chị T có giao cho bà giữ 02 bản chính giấy đăng ký xe mô tô do hai người khác đứng tên, không phải do vợ chồng chị T và anh V đứng tên và bà đã trả lại cho chị T vào ngày 16/3/2016. Sau khi vay chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bà. Đến ngày 04/10/2015 tại cửa hàng của bà, chị T giao cho bà 02 bản chính giấy chứng minh nhân dân của vợ chồng chị T và hai bên chốt lại nợ thì bà viết “Giấy mượn tiền” và chị T ký, ghi họ và tên. Khoảng một tháng sau thì bà trả lại 02 bản chính giấy chứng minh nhân dân cho vợ chồng chị T và anh V. Theo giấy mượn tiền thì chị T hứa 04 tháng sau sẽ hoàn trả lại tiền vay cho bà. Nhưng chị T không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết, nên đến tháng 02/2016 bà nộp đơn khởi kiện vợ chồng chị T, anh V đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Tại Tòa án chị T cam kết trả cho bà mỗi tháng 2.000.000 đồng nên bà rút đơn khởi kiện. Chị T trả cho bà được 2.000.000 đồng thì ngưng. Bà liên hệ đòi nhiều lần thì chị T tiếp tục hứa nhưng không trả tiền cho bà.

Đến năm 2017 thì bà nhờ người quen đến nhà chị T để đòi nợ thì chị T trả cho bà được nhiều lần, mỗi lần khoảng từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng, có khi 500.000 đồng hoặc 1.000.000 đồng. Chị T trả khoảng 01 năm được tổng số tiền 10.500.000 đồng thì lại ngưng. Năm 2018, bà thuê Công ty đòi nợ tại Thành phố Hồ Chí Minh đến nhà chị T để đòi nợ. Thời điểm này cha chồng của chị T là ông Mai Tuấn K làm đơn tố cáo đến Công an xã Thái Bình. Tại Công an xã Thái Bình chị T viết bản cam kết có nợ bà tổng số tiền 219.000.000 đồng và đã trả được 12.500.000 đồng, còn lại 206.500.000 đồng chị T cam kết sẽ trả góp cho bà mỗi ngày 50.000 đồng kể từ ngày 19/01/2018. Theo bản cam kết của ngày 19/01/2018, chị T góp cho bà được khoảng hai tháng với số tiền 3.200.000 đồng rồi ngưng cho đến nay. Tổng cộng chị T đã trả được cho bà 15.800.000 đồng tiền vay gốc, còn nợ lại 203.200.000 đồng.

Khi vay chị T nói với bà mục đích là để vợ chồng chị T trả tiền mua xe tải. Nhưng khi bà yêu cầu chị T cho xem giấy đăng ký xe tải thì chị T nói anh V (chồng) của chị T chạy xe đường dài đi mua trâu bò từ tỉnh Tây Ninh về bán tại tỉnh Long An và mua gà ở tỉnh Long An về bán lại tại tỉnh Tây Ninh, nên đã đem theo giấy đăng ký xe. Nhưng thực tế anh V không biết lái xe và không có việc đi mua bán trâu bò và gà như chị T đã trình bày.

Về lãi suất: Hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, chị T đóng lãi được khoảng hai tháng của số tiền 50.000.000 đồng hay 70.000.000 đồng thì bà không nhớ, sau đó thì ngưng. Số tiền lãi bà đã thu mặc dù vượt quá quy định của pháp luật nhưng số tiền lãi bà thu vượt quá xem như là số tiền lãi của những tháng tiếp theo mà chị T không đóng. Về thời hạn vay thì chị T nói mượn đờ vài tháng thì trả.

Nay bà yêu cầu chị Võ Thị T và anh Mai Tuấn V có nghĩa vụ liên đới trả

cho bà số tiền vay gốc còn nợ lại là 203.200.000 đồng cùng tiền lãi với mức 0.83%/tháng kể từ ngày 01/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn – anh Mai Tuấn V trình bày:

Anh và chị Võ Thị T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Trước khi về chung sống với anh thì chị T làm công nhân tại Xí nghiệp Hoàng Gia thuộc xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Từ khi về chung sống với anh thì chị T chỉ ở nhà sinh con và nuôi con, không làm việc gì có thu nhập. Mọi chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình do anh và cha mẹ của anh chi phí. Sự việc chị T vay tiền của bà Nguyễn Thị L thì anh hoàn toàn không biết. Mục đích chị T vay tiền của bà L để làm gì thì anh cũng không biết.

Anh chỉ biết sự việc chị T vay tiền của bà L từ khi bà L đến nhà cha mẹ của anh để đòi tiền và được cha mẹ anh thông báo lại. Thời điểm này vợ anh đã bỏ nhà đi khoảng nửa tháng, sau đó khoảng 1,5 tháng anh đi tìm và yêu cầu chị T về. Khi chị T về nhà thì bà L có đến nhà và chị T hứa mỗi ngày trả cho bà L 50.000 đồng. Do con còn nhỏ chị T phải nuôi con nên anh hứa với bà L là cho chị T mỗi ngày 50.000 đồng để trả cho bà L. Anh cho chị T tiền để trả cho bà L hơn một tháng, sau đó bà L khởi kiện chị T tại Tòa án.

Tại Tòa hai bên thỏa thuận chị T tiếp tục trả mỗi ngày 50.000 đồng, nên bà L rút đơn và nộp đơn ra Công an xã Thái Bình. Tại Công an xã hai bên tiếp tục thỏa thuận mỗi ngày chị T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 50.000 đồng. Anh tiếp tục cho chị T mỗi ngày 50.000 đồng để trả cho bà L được hơn một tháng. Nhưng sau đó bà L không thực hiện theo thỏa thuận mà thuê giang hồ đến nhà để đòi nợ nhiều lần, nên chị T sợ và bỏ nhà đi cách nay gần 02 năm. Hiện tại anh chỉ biết chị T đang ở tỉnh Long An nhưng ở địa chỉ cụ thể nào thì anh không biết, vì chị T không nói.

Anh không có ký tên vào bất cứ giấy tờ vay tiền nào giữa bà L với chị T. Nên nay bà L khởi kiện yêu cầu anh cùng chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền vay gốc còn nợ lại là 203.200.000 đồng cùng tiền lãi với mức 0.83%/tháng, kể từ ngày 01/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm thì anh không đồng ý.

Bị đơn – chị Võ Thị T: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng **chị T** không đến, không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của **bà L**, nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc chị Võ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà

L số tiền vay gốc 203.200.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 01/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0.83%/tháng. Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại ấp Bình Phong, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Bà Nguyễn Thị L và anh Mai Tuấn V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Võ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, anh V và chị T.

*** Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L thì thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Mai Tuấn V trình bày chị Võ Thị T có vay tiền của bà L. Tuy nhiên, anh không đồng ý cùng chị T có nghĩa vụ liên đới trả tiền theo yêu cầu của bà L. Vì anh cho rằng, từ khi về chung sống với anh thì chị T chỉ ở nhà, không làm việc gì có thu nhập. Mọi chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình do anh và cha mẹ anh chi phí. Sự việc chị T vay tiền của bà L và mục đích vay tiền để làm gì thì anh hoàn toàn không biết. Anh không ký tên vào bất cứ giấy tờ vay tiền nào giữa bà L với chị T.

[2] Phía chị Võ Thị T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cùng chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp cho chị T, nhưng chị T không đến Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

[3] Xét “Giấy mượn tiền” ngày 04/10/2015 (bút lục 06 và 23); bản cam kết trả nợ ngày 15/3/2016 (bút lục 07) và bản cam kết ngày 19/01/2018 do nguyên đơn cung cấp, thể hiện người mượn tiền duy nhất chỉ một mình chị Võ Thị T và chị T ký, ghi họ tên vào các văn bản trên.

[4] Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 19/3/2021 (bút lục 26) ông Mai Tuấn K trình bày: “...Mục đích chị T vay tiền của bà L để làm gì thì ông không biết. Vì khi anh V và chị T kết hôn thì chị T ... ở nhà... không làm gì,

mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do vợ chồng ông và anh V chi phí... Nay ông xác định số tiền bà L khởi kiện vợ chồng ông V và chị T là nợ riêng của chị T, ...”.

[5] Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2021 (bút lục 47, 48) bà L trình bày: “... Bà xác định tại các lần bà và chị T giao dịch vay tiền thì chỉ có bà và chị T ... Và bà cũng không gặp anh V cùng cha mẹ chồng của chị T để thông báo là chị T vay tiền của bà. Sau khi cho chị T vay thì bà cũng không yêu cầu anh V ký tên... Nay bà xác định chị T vay tiền của bà là để xây dựng căn nhà vào năm 2017 cho cha mẹ chồng và vợ chồng chị T ở, ...”.

[6] Tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 ... của Luật này.*”. Tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”. Và tại khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định: “*Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình*”.

[7] Phía bà L chỉ trình bày miệng, không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh V biết và đồng tình việc chị T vay tiền của bà L, cũng như chứng cứ chứng minh số tiền vay được chị T sử dụng vào việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

[8] Xét về phần tiền lãi: Bà L yêu cầu tính lãi suất với mức 0.83%/tháng kể từ ngày 01/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm thì thấy rằng, đây là yêu cầu có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, hợp đồng vay tài sản giữa hai bên được xem là hợp đồng vay không có lãi và chị T vi phạm nghĩa vụ từ sau ngày 20/3/2018, nên theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, lãi suất được tính cụ thể như sau: Từ ngày 01/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/12/2021) là: 44 tháng 09 ngày = 203.200.000 đồng x 0.83%/tháng x 44 tháng 09 ngày = 74.715.000 đồng.

[9] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là có cơ sở chấp nhận một phần. Buộc chị Võ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay gốc còn nợ lại là 203.200.000 đồng và 74.715.000 đồng tiền lãi. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, về việc yêu cầu anh Mai Tuấn V có nghĩa vụ liên đới cùng chị T trả tiền cho bà L.

[10] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy: Đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc chị Võ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 277.915.000 (hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm mười lăm nghìn) đồng, bao gồm: 203.200.000 (hai trăm lẻ ba triệu hai trăm nghìn) đồng tiền vay gốc và 74.715.000 (bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười lăm nghìn) đồng tiền lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc: Buộc anh Mai Tuấn V có nghĩa vụ liên đới cùng chị Võ Thị T trả cho bà L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, **Điều 468** Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Chị Võ Thị T phải chịu 13.896.000 (mười ba triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.229.600 (tám triệu hai trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm) đồng theo biên lai thu số **0007963** ngày **08/01/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phượng

